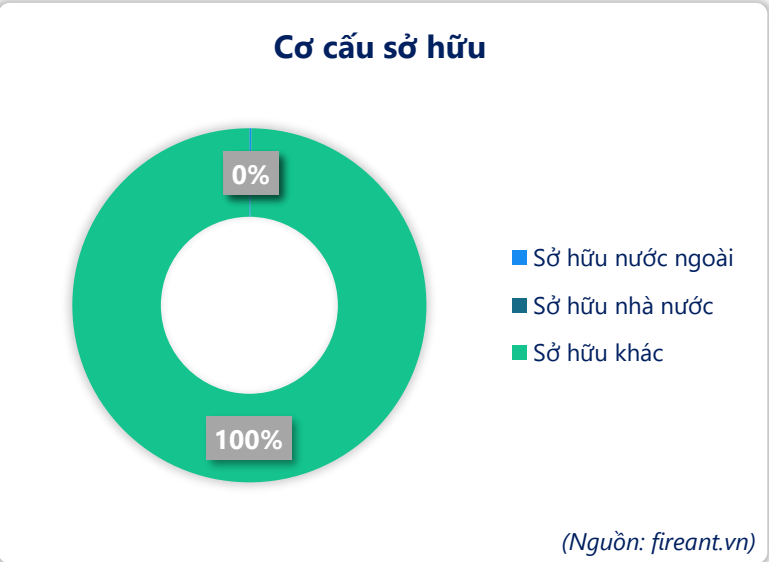
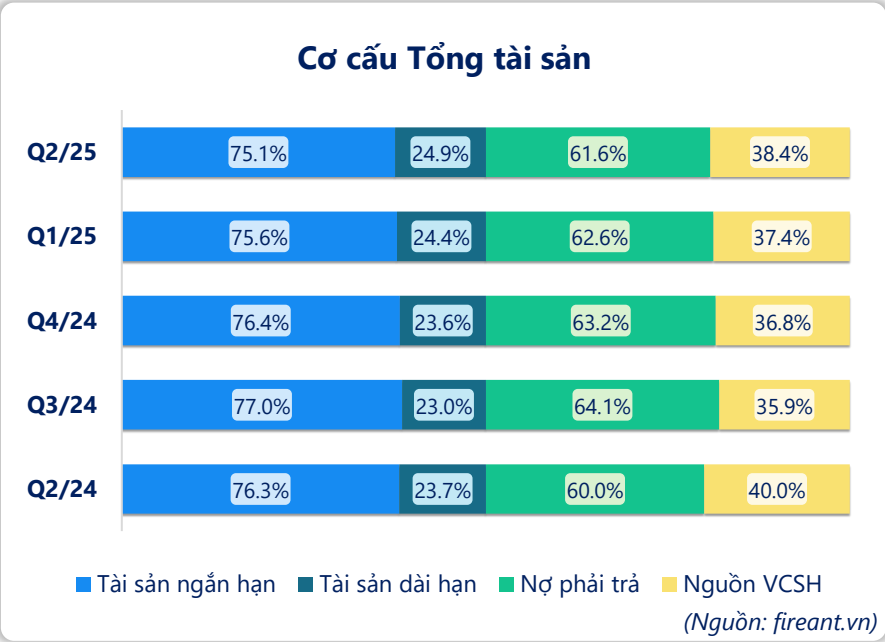
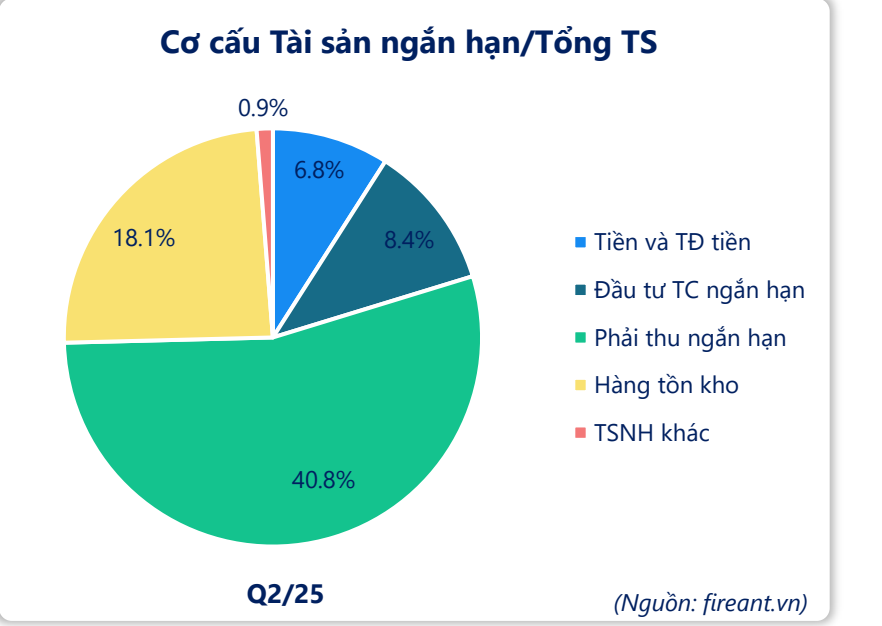
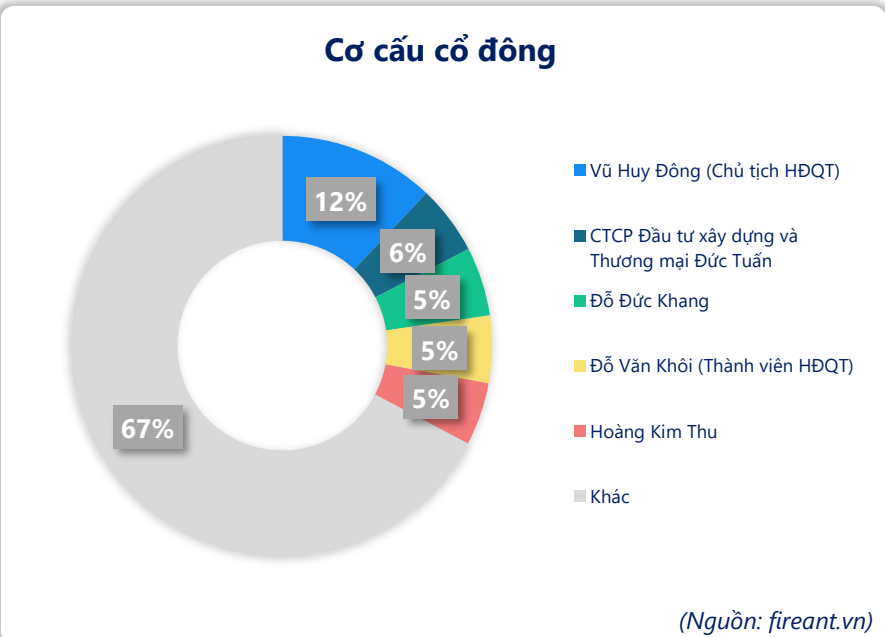
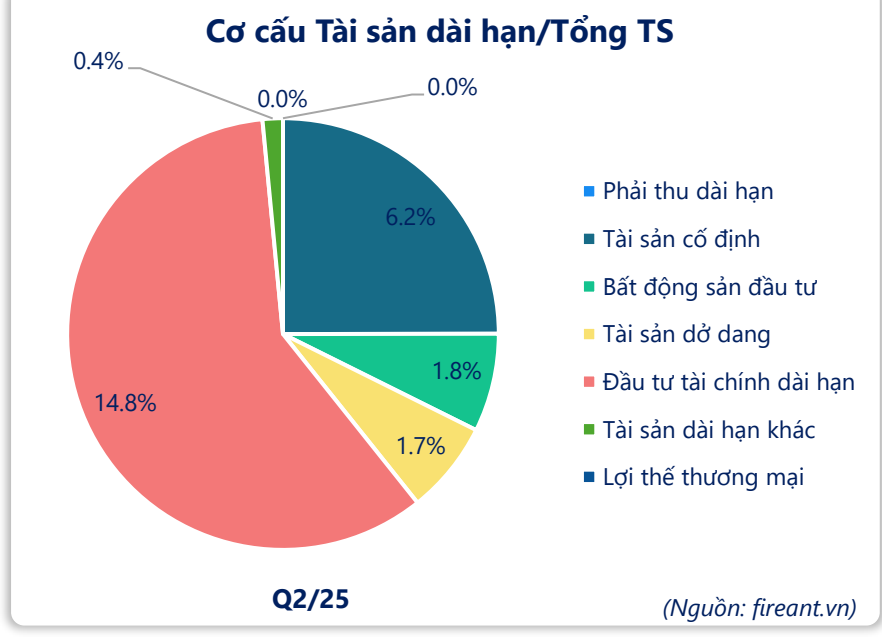
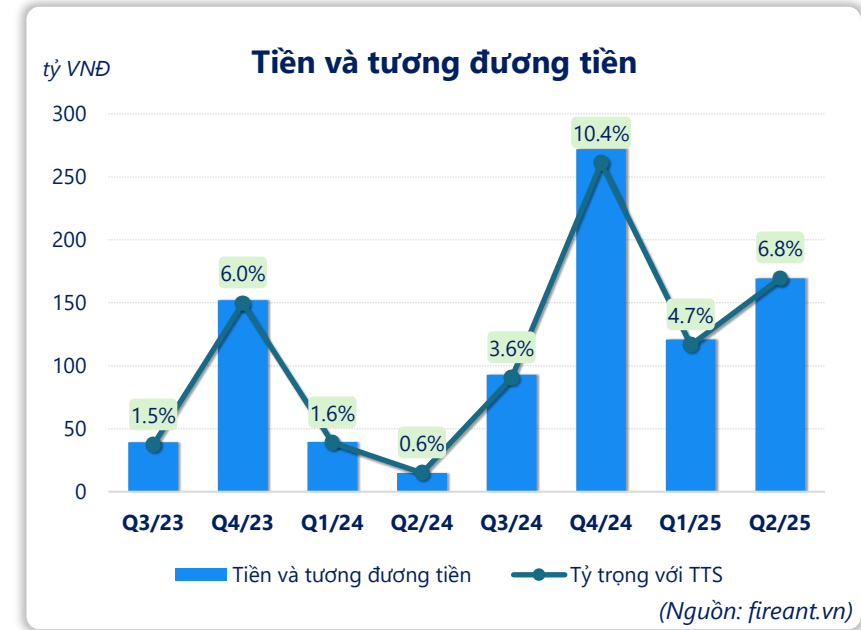
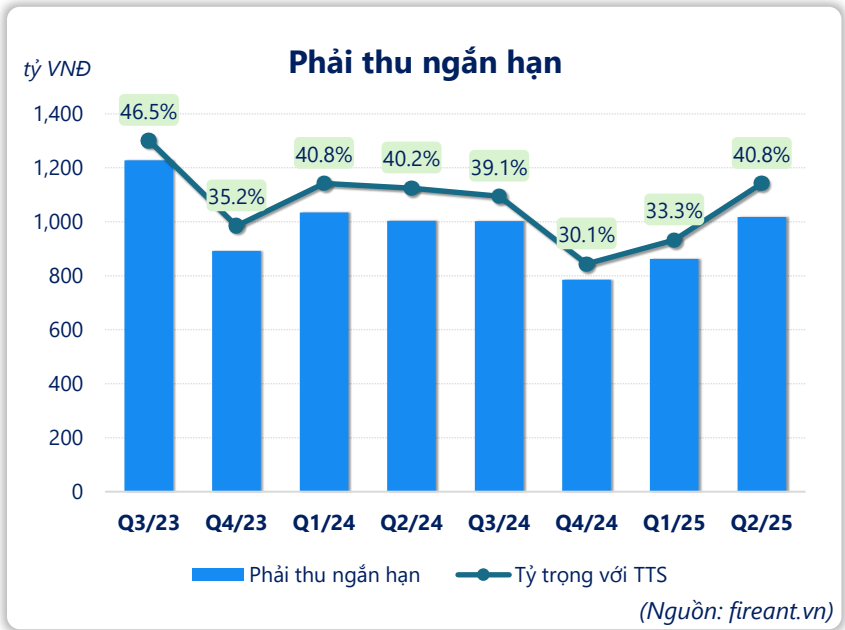
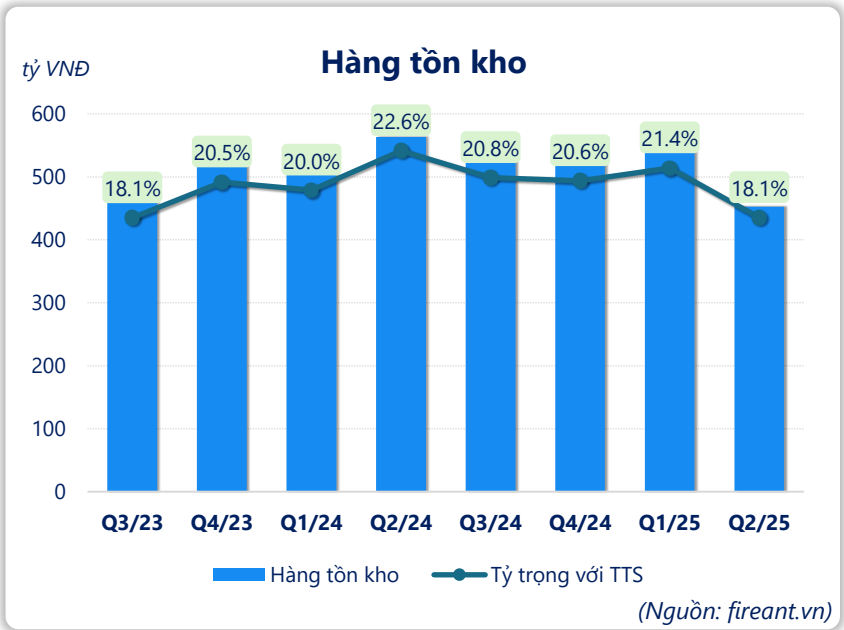
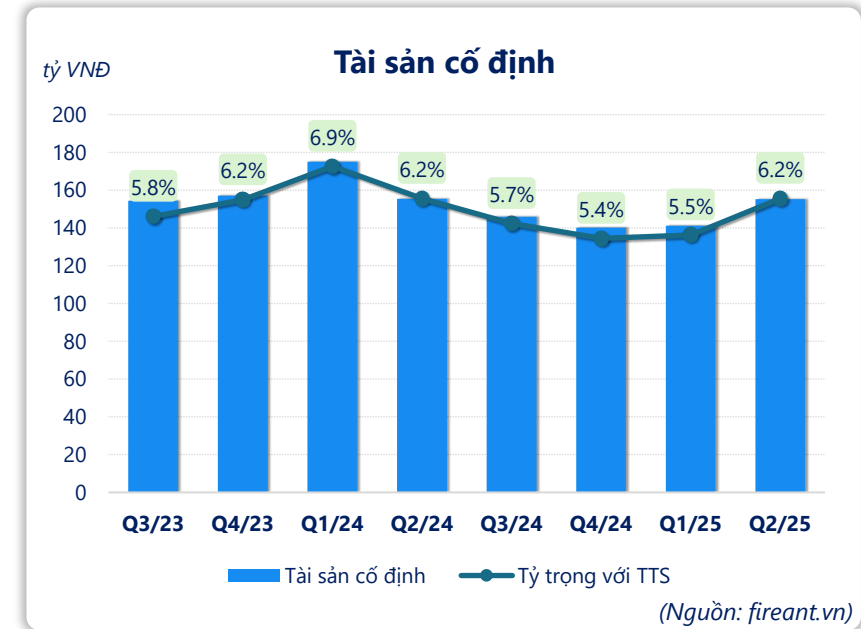
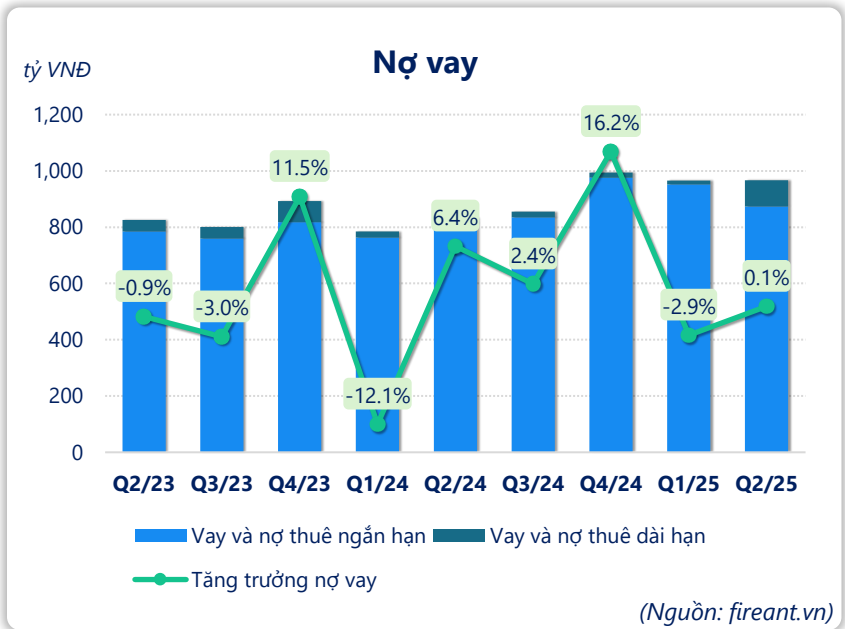
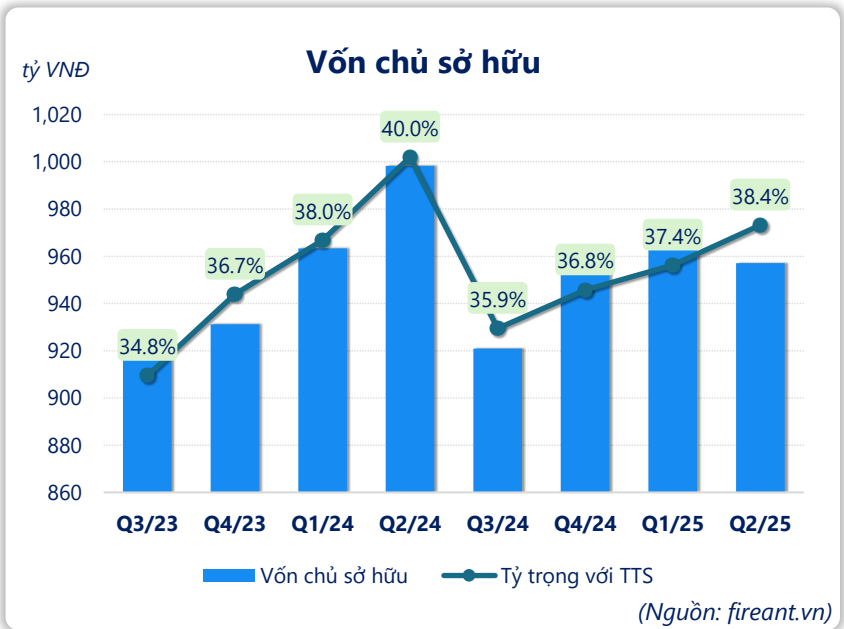
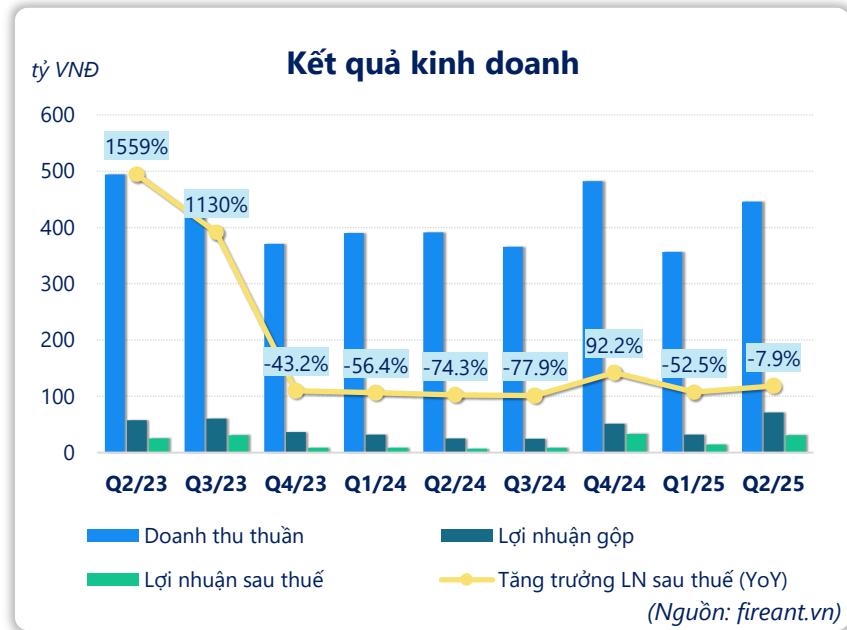
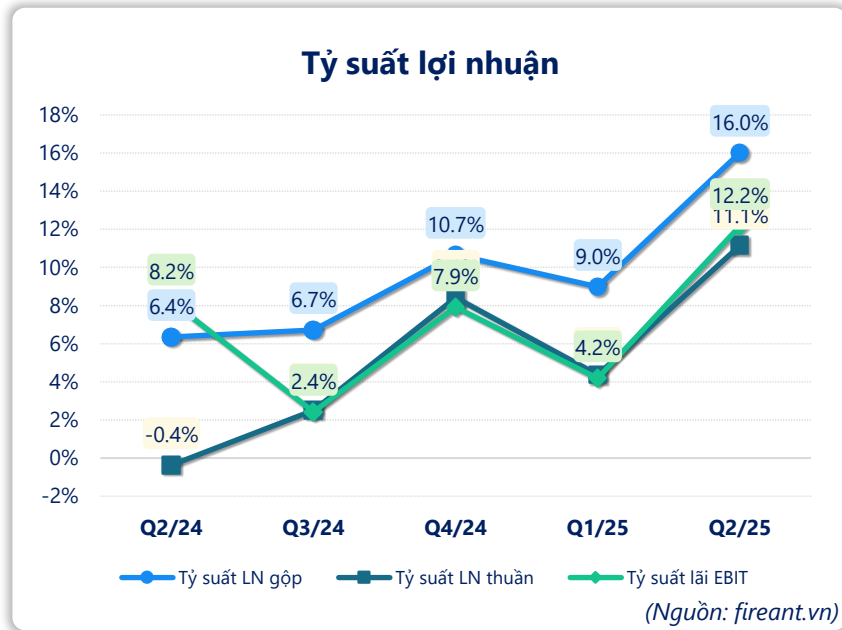
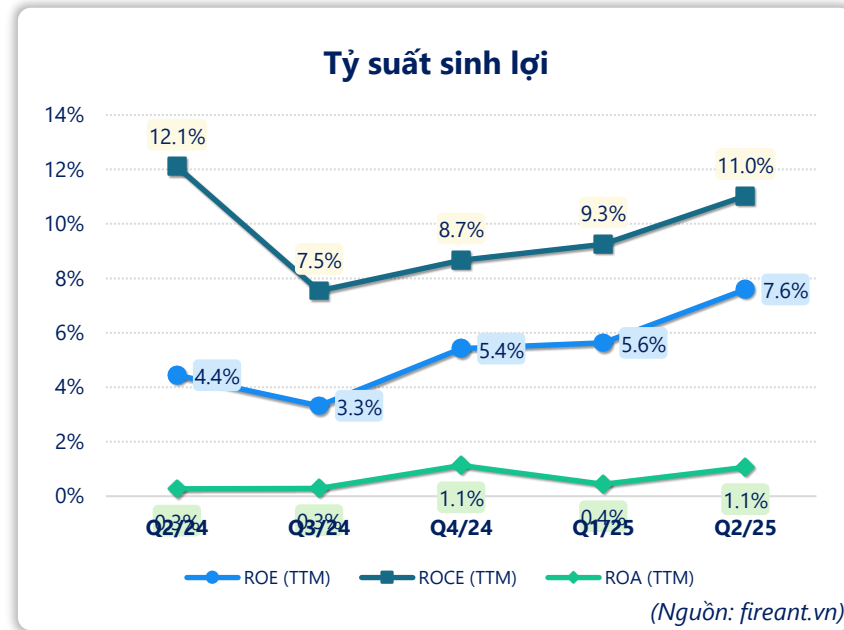
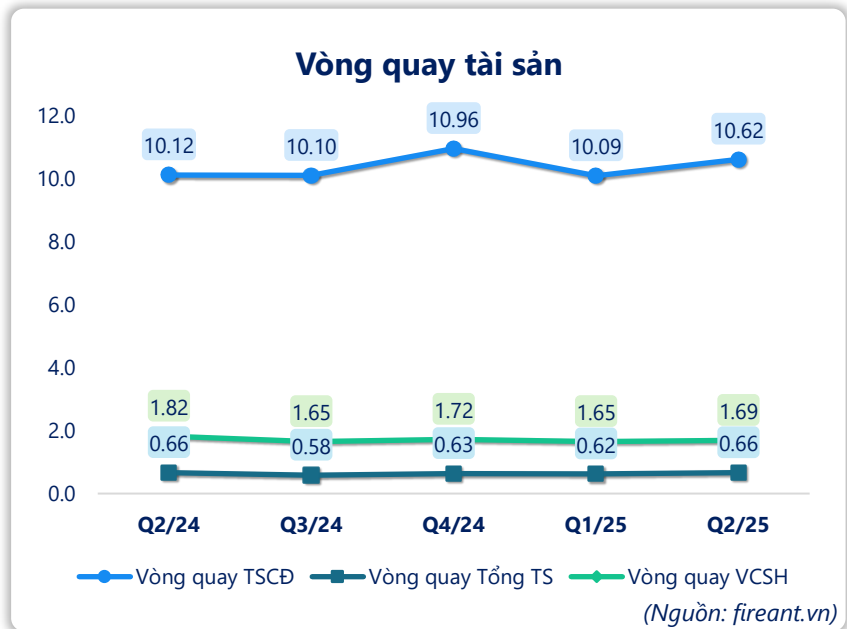
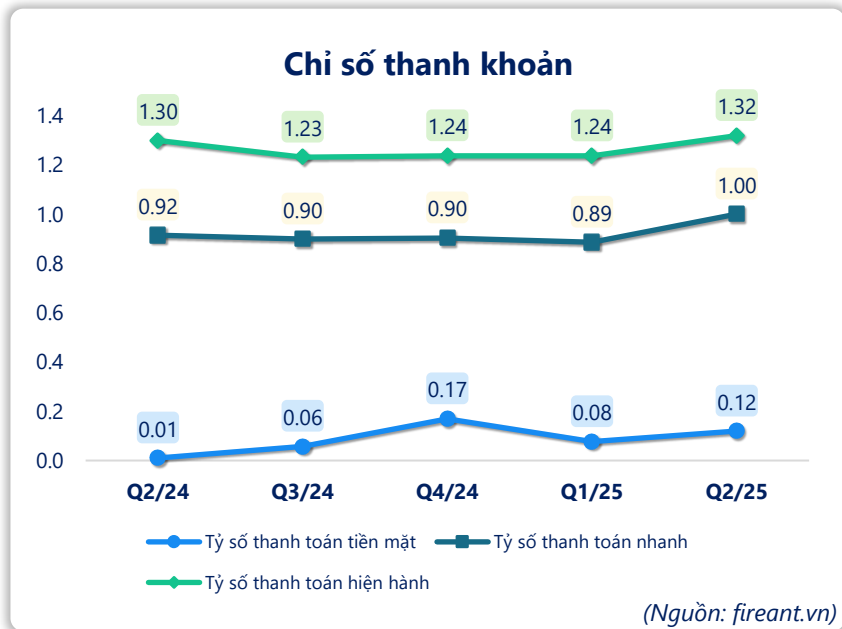
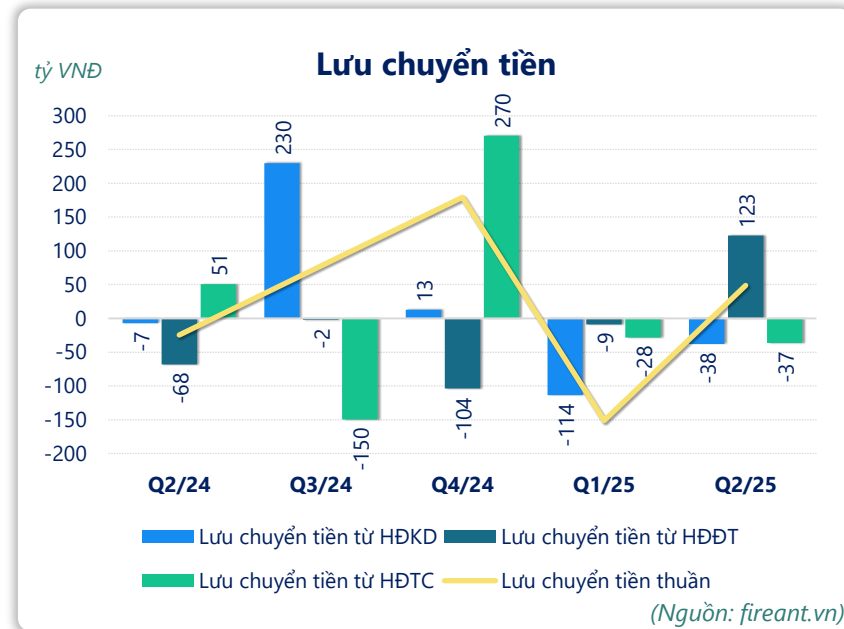


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,930
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,448
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,625
SL cổ phiếu LH		76,394,727
KLGD BQ 20 phiên (CP)		76,055
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		606
P/E		8.2
EPS		972

	YTD	1T	3T	6T
ADS	-4.1%	0.6%	-9.6%	-5.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,495	2,604	-4.2%
Tài sản ngắn hạn	1,873	1,987	-5.7%
Tiền và tương đương tiền	169	272	-37.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	210	377	-44.2%
Phải thu ngắn hạn	1,017	784	29.8%
Hàng tồn kho	452	535	-15.5%
Tài sản ngắn hạn khác	23.4	19.2	21.8%
Tài sản dài hạn	622	617	0.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	155	140	10.8%
Bất động sản đầu tư	45.8	20.4	125%
Tài sản dở dang	43.1	52.3	-17.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	368	350	5.1%
Tài sản dài hạn khác	9.46	53.8	-82.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,537	1,647	-6.6%
Nợ ngắn hạn	1,419	1,613	-12.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	873	980	-10.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	88.6	85.1	4.1%
Nợ dài hạn	118	33.3	255%
Vay và nợ thuê dài hạn	93.6	13.6	591%
Nguồn vốn chủ sở hữu	957	957	0.0%
Vốn chủ sở hữu	957	957	0.0%
Vốn điều lệ	764	764	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	391	366	482	357	446
Giá vốn hàng bán	366	341	431	325	374
Lợi nhuận gộp	24.8	24.6	51.4	32.0	71.4
Doanh thu HĐTC	9.12	6.33	8.48	7.90	7.40
Chi phí TC	14.1	11.7	8.91	12.0	15.4
Chi phí lãi vay	23.4	0	0	0	22.4
LN trong công ty LKLD	-10.9	0	3.53	0	-2.18
Chi phí bán hàng	3.23	2.82	3.25	3.23	3.35
Chi phí QLDN	7.21	7.23	10.7	9.12	8.18
LN thuần từ HĐKD	-1.44	9.16	40.6	15.6	49.7
Lợi nhuận khác	10.2	-0.27	-2.44	-0.62	-17.8
LN trước thuế	8.74	8.88	38.1	14.9	31.8
Lợi nhuận sau thuế	6.84	8.35	32.8	14.0	30.7
LNST của CĐ cty mẹ	6.62	7.54	29.1	11.2	26.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.08	230	12.7	-114	-37.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-68.1	-2.48	-104	-9.14	123
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	50.6	-150	270	-28.4	-36.5
Tiền đầu kỳ	39.4	14.9	92.8	272	121
Lưu chuyển tiền thuần	-24.6	77.9	179	-151	48.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.02	0	0	0.02
Tiền cuối kỳ	14.9	92.8	272	121	169

(Nguồn: fireant.vn)